

# NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN HONG LEONG VIỆT NAM

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT CHỖ GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT

#### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CỦA NGÂN HÀNG TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HONG LEONG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được lập ngày 27 tháng 9 năm 2019, từ trang 2 đến trang 6, bao gồm bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giai đoạn chuyển tiếp khi thay đổi năm tài chính) được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giai đoạn chuyển tiếp khi thay đổi năm tài chính) của Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành Viên Hong Leong Việt Nam ("Ngân hàng") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 27 tháng 9 năm 2019. Báo cáo tài chính đầy đủ này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

#### Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt theo tiêu thức được quy định bởi pháp luật.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 810 – Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giai đoạn chuyển tiếp khi thay đổi năm tài chính) của Ngân hàng đã được kiểm toán, đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán, phù hợp với tiêu thức được quy định bởi pháp luật.



Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Trần Thị Thanh Trúc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3047-2019-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Lê Quang Đạo  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2845-2019-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM8670  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2019

|                                                               | Tại ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2019<br>Triệu đồng | Tại ngày<br>31 tháng 12<br>năm 2018<br>Triệu đồng |
|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                                |                                                  |                                                   |
| Tiền mặt                                                      | 101.550                                          | 81.537                                            |
| Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                      | 168.165                                          | 198.523                                           |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                        | 4.622.874                                        | 3.586.410                                         |
| Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác                        | 4.622.874                                        | 3.586.410                                         |
| Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác | 192                                              | 388                                               |
| Cho vay khách hàng                                            | 3.407.231                                        | 2.999.223                                         |
| Cho vay khách hàng                                            | 3.442.069                                        | 3.042.193                                         |
| Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng                            | (34.838)                                         | (42.970)                                          |
| <b>Hoạt động mua nợ</b>                                       | <b>5.079</b>                                     | <b>5.377</b>                                      |
| Mua nợ                                                        | 5.117                                            | 5.418                                             |
| Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ                              | (38)                                             | (41)                                              |
| <b>Chứng khoán đầu tư</b>                                     | <b>940.860</b>                                   | <b>889.235</b>                                    |
| Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán                            | 837.543                                          | 408.562                                           |
| Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn                       | 103.317                                          | 480.673                                           |
| <b>Tài sản cố định</b>                                        | <b>54.030</b>                                    | <b>57.849</b>                                     |
| Tài sản cố định hữu hình                                      | 17.319                                           | 18.279                                            |
| Nguyên giá                                                    | 104.359                                          | 101.886                                           |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                        | (87.040)                                         | (83.607)                                          |
| Tài sản cố định vô hình                                       | 36.711                                           | 39.570                                            |
| Nguyên giá                                                    | 98.845                                           | 97.467                                            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                                        | (62.134)                                         | (57.897)                                          |
| <b>Tài sản có khác</b>                                        | <b>90.964</b>                                    | <b>103.005</b>                                    |
| Các khoản phải thu khác                                       | 20.152                                           | 14.140                                            |
| Các khoản lãi và phí phải thu                                 | 49.252                                           | 68.487                                            |
| Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                   | 10.565                                           | 13.462                                            |
| Tài sản khác                                                  | 13.949                                           | 9.832                                             |
| Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác    | (2.954)                                          | (2.916)                                           |
| <b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>                                        | <b>9.390.945</b>                                 | <b>7.921.547</b>                                  |

#### I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT (TIẾP THEO)

|                                                | Tại ngày<br>30 tháng 6<br>năm 2019<br>Triệu đồng | Tại ngày<br>31 tháng 12<br>năm 2018<br>Triệu đồng |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                             |                                                  |                                                   |
| Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác          | 1.492.480                                        | 1.286.310                                         |
| Tiền gửi từ các tổ chức tín dụng khác          | 1.492.480                                        | 1.286.310                                         |
| Tiền gửi của khách hàng                        | 4.380.188                                        | 3.117.784                                         |
| Các khoản phải trả khác                        | 58.574                                           | 67.615                                            |
| Các khoản lãi và phí phải trả                  | 26.689                                           | 23.627                                            |
| Các khoản phải trả khác                        | 31.885                                           | 43.988                                            |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                        | <b>5.931.242</b>                                 | <b>4.471.709</b>                                  |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                          |                                                  |                                                   |
| Vốn điều lệ                                    | 3.000.000                                        | 3.000.000                                         |
| Các quỹ                                        | 73.801                                           | 73.801                                            |
| Lợi nhuận chưa phân phối                       | 385.902                                          | 376.037                                           |
| <b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                     | <b>3.459.703</b>                                 | <b>3.449.838</b>                                  |
| <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>      | <b>9.390.945</b>                                 | <b>7.921.547</b>                                  |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> |                                                  |                                                   |

**NGHĨA VỤ NỢ TIẾM AN**  
Cam kết trong nghiệp vụ L/C  
Bảo lãnh khác

Tại ngày  
30 tháng 6  
năm 2019  
Triệu đồng

Tại ngày  
31 tháng 12  
năm 2018  
Triệu đồng

2.802  
22.199

11.319  
28.058

**CÁC CAM KẾT ĐƯA RA**  
Cam kết giao dịch hối đoái  
- Cam kết mua ngoại tệ  
- Cam kết bán ngoại tệ  
- Cam kết giao dịch hoán đổi

197.174  
196.878  
-

64.467  
64.367  
232.363

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT

|                                                                                          | Giai đoạn từ<br>1.1.2019 đến<br>30.6.2019<br>Triệu đồng | Năm tài chính<br>kết thúc ngày<br>31.12.2018<br>Triệu đồng |
|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự<br>Chi phí lãi và các chi phí tương tự       | 193.771<br>(70.700)                                     | 294.677<br>(104.007)                                       |
| <b>Thu nhập lãi thuần</b>                                                                | <b>123.071</b>                                          | <b>190.670</b>                                             |
| Thu nhập từ hoạt động dịch vụ<br>Chi phí hoạt động dịch vụ                               | 2.876<br>(6.126)                                        | 5.361<br>(9.102)                                           |
| <b>Lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>                                                     | <b>(3.250)</b>                                          | <b>(3.741)</b>                                             |
| <b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>                                       | <b>2.432</b>                                            | <b>4.586</b>                                               |
| Thu nhập khác<br>Chi phí khác                                                            | 168<br>(108)                                            | 3.489<br>(18)                                              |
| <b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>                                                       | <b>60</b>                                               | <b>3.471</b>                                               |
| <b>Chi phí quản lý chung</b>                                                             | <b>(113.876)</b>                                        | <b>(216.924)</b>                                           |
| <b>Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi<br/>phí dự phòng rủi ro tín dụng</b> | <b>8.437</b>                                            | <b>(21.938)</b>                                            |
| <b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>                                                  | <b>4.325</b>                                            | <b>(4.905)</b>                                             |
| <b>Tổng lãi/(lỗ) trước thuế</b>                                                          | <b>12.762</b>                                           | <b>(26.843)</b>                                            |
| Chi phí thuế TNDN - hiện hành<br>(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN - hoãn lại                 | -<br>(2.897)                                            | -<br>8.049                                                 |
| <b>(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN</b>                                                      | <b>(2.897)</b>                                          | <b>8.049</b>                                               |
| <b>Lãi/(lỗ) sau thuế</b>                                                                 | <b>9.865</b>                                            | <b>(18.794)</b>                                            |

Ngô Hồng Hạnh  
Người lập báo cáo

Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Khối Tài chính

Dương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 9 năm 2019

Ngô Hồng Hạnh  
Người lập báo cáo

Trần Thị Thu Hằng  
Giám đốc Khối Tài chính

Dương Đức Hùng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 9 năm 2019